

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 4	Lũy kế	Quý 4	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	664.577.706.128	1.371.933.461.962	531.154.404.031	1.632.892.834.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	88.086.000	1.010.449.421	84.234.715	1.836.277.043
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL3	664.489.620.128	1.370.923.012.541	531.070.169.316	1.631.056.556.961
4. Giá vốn hàng bán	11	VL4	424.358.095.572	677.010.438.391	269.718.697.735	921.720.083.144
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		240.131.524.556	693.912.574.150	261.351.471.581	709.336.473.817
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	64.334.681.109	144.426.464.097	38.937.281.033	74.244.851.078
7. Chi phí tài chính	22	VL6	41.549.921.741	66.973.194.923	33.957.460.382	51.101.279.230
Trong đó: Chi phí lãi vay	23					9.452.166.493
8. Chi phí bán hàng	24		17.827.940.844	57.809.230.812	11.853.920.531	51.017.743.144
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.888.842.957	82.286.861.471	41.453.550.352	71.778.572.367
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		220.202.500.123	631.269.751.041	213.023.821.349	609.683.733.154
11. Thu nhập khác	31	VL7	1.509.395.779	73.059.592.936	3.265.890.832	81.155.205.836
12. Chi phí khác	32		5.843.792.252	7.530.932.373	431.964.755	7.957.068.132
13. Lợi nhuận khác	40		(4.334.396.473)	65.528.660.563	2.833.926.077	73.198.137.704
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	50		(13.729.451.608)	(5.249.041.428)	250.627.694	13.208.826.318
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		202.138.652.042	691.549.370.176	216.108.375.120	696.090.697.176
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.8	53.227.553.128	172.142.560.742	30.594.596.642	124.238.742.055
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		(2.515.294.577)			(6.021.764.572)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		151.426.393.491	519.406.809.434	185.513.778.478	577.873.719.693
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		1.807.215.626	5.219.558.572	2.568.542.073	4.692.307.310
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		149.619.177.865	514.187.250.862	182.945.236.405	573.181.412.383
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.9				10.323

Người lập biểu

Lê Thành Hưng

Kế toán trưởng

Lê Minh Tuấn

Vũng Tàu, ngày 04 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thiện Tuấn